

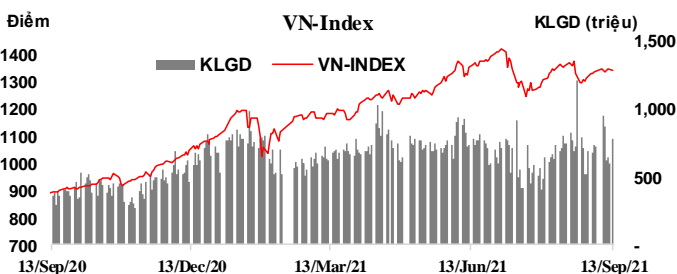
Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	0.69	-0.01	0.13	-0.02	3Y	0.69	-0.007
1W	0.80	-0.01	0.16	-0.02	5Y	0.82	0.000
2W	0.93	0.01	0.21	-0.02	7Y	1.16	0.000
1M	1.16	0.01	0.31	-0.01	10Y	2.06	-0.013
2M	1.48	0.04	0.40	-0.01	15Y	2.28	-0.004
3M	1.58	0.02	0.47	-0.06			
6M	1.78	-0.02	0.78	-0.06			
9M	2.44	0.01	1.00	-0.15			
1Y	2.88	-0.06	1.10	-0.13			

Nguồn: Reuters

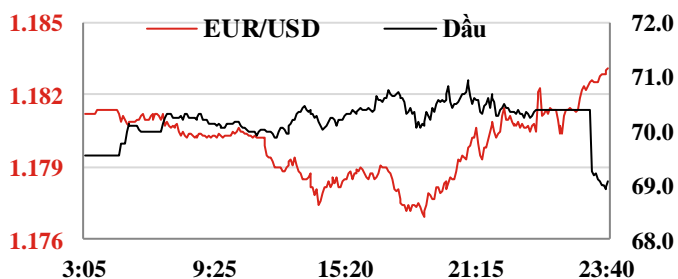
**Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)**

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bơm/hút ròng	KL lưu hành
13-09-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
10-09-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
09-09-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-

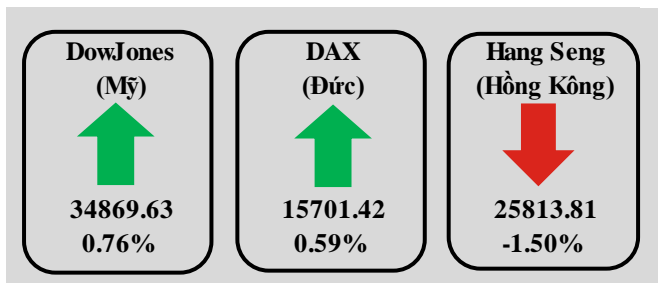
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1341.43	349.05	95.26
%/ngày	-0.29%	-0.29%	-0.16%
%/31/12/2020	21.52%	71.8%	28.0%
KLGD (tr.d.v)	775.47	167.60	108.6
GTGD (tỷ đ)	23110.12	3391.76	2061.67
NĐTINN mua (tỷ đ)	1550.56	151.35	0.58
NĐTINN bán (tỷ đ)	1981.61	11.55	0.64


**Tin trong nước ngày 13/09**

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 13/09, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.113 VND/USD, tiếp tục giảm 05 đồng so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 22.750 VND/USD. Tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.756 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.764 VND/USD, giảm nhẹ 03 đồng so với phiên 10/09. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 10 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 23.050 - 23.200 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 13/09, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,01 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi tăng 0,01 đpt ở các kỳ hạn 2W và 1M so với phiên cuối tuần trước, cụ thể: ON 0,69%; 1W 0,80%; 2W 0,93 và 1M 1,16%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,02 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống, giao dịch tại: ON 0,13; 1W 0,16%; 2W 0,21%, 1M 0,31%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp đi ngang ở các kỳ hạn 5Y và 7Y trong khi giảm ở các kỳ hạn còn lại, cụ thể: 3Y 0,69%; 5Y 0,82%; 7Y 1,16%; 10Y 2,06%; 15Y 2,28%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN tiếp tục chào thầu 1.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không còn khối lượng lưu hành trên kênh này.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn phân hóa, áp lực bán tăng mạnh. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 3,88 điểm (-0,29%) xuống 1.341,43 điểm; HNX-Index giảm 1,0 điểm (-0,29%) xuống 349,05 điểm; UPCoM-Index giảm 0,15 điểm (-0,16%) xuống 95,26 điểm. Thanh khoản thị trường tăng so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt trên 28.600 tỷ VND. Khối ngoại tiếp tục bán ròng phiên thứ 11 liên tiếp hơn 291 tỷ VND trên cả ba sàn trong phiên hôm qua.
- Liên Bộ Công Thương - Tài chính quyết định điều chỉnh tăng giá xăng dầu từ ngày 10/09.** Theo đó, liên Bộ quyết định điều chỉnh tăng giá bán lẻ các mặt hàng xăng dầu như sau: Xăng E5RON92 không cao hơn 20.143 đồng/lít (tăng 252 đồng/lít so với giá hiện hành); Xăng RON95-III không cao hơn 21.397 đồng/lít (tăng 266 đồng/lít); Dầu diesel 0.05S không cao hơn 16.022 đồng/lít (tăng 355 đồng/lít); Dầu hỏa không cao hơn 15.082 đồng/lít (tăng 320 đồng/lít); Dầu mazut 180CST 3.5S không cao hơn 15.952 đồng/kg (tăng 897 đồng/kg).



	13 Sep 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	92.68	0.10%	0.70%	3.04%
USD/CNY	6.45	0.11%	-0.05%	-1.13%
USD/EUR	0.85	0.05%	0.51%	3.43%
USD/JPY	109.98	0.05%	0.14%	6.53%
USD/KRW	1172.83	0.22%	1.36%	8.15%
USD/SGD	1.34	0.03%	-0.04%	1.57%
USD/TWD	27.68	0.08%	0.51%	-1.39%
USD/THB	32.86	0.49%	1.23%	9.39%
USD/VND Trung tâm	23113	-0.02%	0.03%	-0.08%
USD/VND LNH	22764	-0.04%	-0.05%	-1.40%
USD/VND tự do	23050	0.04%	0.50%	-1.07%
Vàng	1793.49	0.34%	-1.62%	-5.43%
Dầu	70.45	1.05%	1.67%	45.20%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0734	0.0018		
SW	0.0748	0.0030		
1M	0.0838	-0.0001	0.2671	0.0000
2M	0.0995	0.0020		
3M	0.1160	0.0003	0.4291	0.0000
6M	0.1486	-0.0008	0.5911	0.0000
1Y	0.2231	0.0006	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 10/09/2021

### Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	21/09/2021
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	28/10/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	23/09/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	22/09/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	05/10/2021

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

## Tin quốc tế

- Ngân sách Liên bang Mỹ tiếp tục thâm hụt mạnh trong tháng 8.** Theo Bộ Tài chính Mỹ, Ngân sách nước này thâm hụt 170,6 tỷ USD trong tháng 8, tích cực hơn mức thâm hụt 302,1 tỷ của tháng 7 và dự báo của chuyên gia ở mức thâm hụt 260,5 tỷ. Mức thâm hụt này chủ yếu là do Chính quyền tiếp tục trả các khoản trợ cấp thu nhập, an sinh xã hội, y tế, chi phí quốc phòng và trả lãi vay. Trong 11 tháng qua kể từ 9/2020 (tháng cuối năm tài khóa 2020), ngân sách Mỹ thâm hụt 2,711 nghìn tỷ USD, và so với tháng 3/2020 khi bắt đầu đại dịch Covid-19, con số này lên tới 5,1 nghìn tỷ.
- Chỉ số giá bán buôn của Đức tăng mạnh trong tháng 8.** Theo Văn phòng Thống kê Liên bang Đức Destatis, chỉ số giá bán buôn WPI tháng 8 của nước này tăng 0,5% m/m, thấp hơn mức tăng 1,1% của tháng 7 đồng thời cũng thấp hơn mức dự báo tăng 0,8%. So với cùng kỳ năm 2020, WPI tăng 12,3%, mức cao nhất của chỉ số này trong nhiều năm qua kể từ 10/1974 sau khủng hoảng giá dầu lần thứ nhất. Các chuyên gia cho rằng giá bán buôn tăng cao một phần là do giá nguyên vật liệu thô và hàng hóa trung gian tăng mạnh trong tháng qua, đồng thời một phần là do hiệu ứng nền giá thấp từ năm ngoái do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.
- Chỉ số giá sản xuất của Nhật Bản tiến gần tới kỷ lục 13 năm.** Cụ thể, NHTW Nhật Bản khảo sát cho biết chỉ số giá sản xuất của nước này tăng 5,5% y/y trong tháng 8, gần bằng mức tăng 5,6% của tháng trước đó, và thấp hơn một chút so với mức tăng 5,7% theo kỳ vọng. Các chuyên gia nhận định giá cả nguyên liệu tăng cao, đặc biệt vật liệu kim loại đã gây ảnh hưởng tới thị trường, tạo áp lực tương đối lớn lên nhu cầu tiêu dùng của người dân Nhật Bản. Nhiều ý kiến nhận định NHTW BOJ sẽ tiếp tục giữ một CSTT nói lỏng để kích thích kinh tế, trong bối cảnh các NHTW khác trên thế giới dần bình thường hóa CSTT trở lại.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
13-09	6:50	*	PPI Nhật Bản yy T8	5.5	5.7	5.6
14-09	13:00	*	Thu nhập bình quân tại Anh 3m/y T7		8.2	8.8
14-09	13:00	*	Tỷ lệ thất nghiệp tại Anh T7		4.6	4.7
14-09	19:30	***	CPI toàn phần Mỹ mm T8		0.4	0.5
14-09	19:30	***	CPI lõi Mỹ mm T8		0.3	0.3

## VN-INDEX

Daily .VNI

22/3/2021 - 1/10/2021 (HAN)



VN-Index giảm nhẹ xuống mức 1341,43 điểm. Trong ngắn hạn, VN-Index có thể tiếp tục biến động giằng co với ngưỡng kháng cự gần nhất quanh 1.350 điểm và vùng hỗ trợ trong khoảng 1.320-1.335 điểm (SMA20-50).

Ngưỡng hỗ trợ: 1.320 – 1.300

Ngưỡng kháng cự: 1.360 – 1.380

## NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

#### Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranght5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)